

**THÔNG TƯ**

**Ban hành danh mục sữa và thực phẩm chức năng dành cho trẻ em dưới 06 tuổi thuộc diện kê khai giá, bình ổn giá**

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 63/2020/QH14 ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật giá số 16/2023/QH15 ngày 19 tháng 6 năm 2023;*

*Căn cứ Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 06 năm 2010 và Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;*

*Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật giá;*

*Căn cứ Nghị định số 95/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục An toàn thực phẩm,*

*Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư ban hành danh mục sữa và thực phẩm chức năng dành cho trẻ em dưới 06 tuổi thuộc diện kê khai giá, bình ổn giá.*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định Danh mục sữa và thực phẩm chức năng dành cho trẻ em dưới 06 tuổi thuộc diện kê khai giá và ban hành Danh mục sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi thuộc hàng hoá thực hiện bình ổn giá.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Tổ chức, cá nhân kinh doanh sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi và thực phẩm

chức năng dành cho trẻ em dưới 06 tuổi;

2. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về quản lý giá.

**Điều 3. Ban hành Danh mục sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi thuộc diện kê khai giá:**

1. Sản phẩm dinh dưỡng công thức cho trẻ đến 36 tháng tuổi theo các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Y tế ban hành.

2. Sữa và các sản phẩm dinh dưỡng có chứa sữa động vật dưới dạng bột hoặc dạng lỏng có công bố sử dụng cho trẻ em dưới 06 tuổi nhưng không theo các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia quy định tại khoản 1 Điều này.

**Điều 4. Ban hành Danh mục thực phẩm chức năng dành cho trẻ em dưới 06 tuổi thuộc diện kê khai giá, bao gồm:**

1. Thực phẩm bảo vệ sức khỏe.

2. Thực phẩm dinh dưỡng y học.

3. Thực phẩm bổ sung, bao gồm sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi.

4. Thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt.

**Điều 5. Trách nhiệm công bố danh mục sản phẩm sữa và thực phẩm chức năng dành cho trẻ em dưới 06 tuổi thuộc diện kê khai giá và thực hiện bình ổn giá**

1. Cục An toàn thực phẩm – Bộ Y tế có trách nhiệm công khai trên trang thông tin điện tử của Cục An toàn thực phẩm danh mục thực phẩm bảo vệ sức khỏe quy định tại khoản 1 Điều 4 và các sản phẩm quy định tại Điều 3 và khoản 2, 3, 4 Điều 4 Thông tư này trong trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất nhiều loại sản phẩm thuộc thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm của cả Bộ Y tế và cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ lựa chọn nộp hồ sơ đến Cục An toàn thực phẩm – Bộ Y tế (theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này).

2. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành

phổ trung ương chỉ định quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm có trách nhiệm công khai trên trang thông tin điện tử của đơn vị danh mục các sản phẩm quy định tại Điều 3 và khoản 2, 3, 4 Điều 4 Thông tư này (theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này).

Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trung ương chỉ định về tiếp nhận kê khai giá căn cứ vào danh mục trên sẽ tiếp nhận hồ sơ kê khai giá do tổ chức, cá nhân kinh doanh thực phẩm nộp.

3. Định kỳ hằng tháng, Cục An toàn thực phẩm – Bộ Y tế, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm có trách nhiệm cập nhật danh mục đối với các sản phẩm đã được cấp Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm trên trang thông tin điện tử của Cục An toàn thực phẩm hoặc trang thông tin điện tử của đơn vị sau ngày Thông tư này có hiệu lực.

4. Trước ngày ..... tháng ..... năm ..... Cục An toàn thực phẩm – Bộ Y tế, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm phải hoàn thành việc đăng tải toàn bộ danh mục các sản phẩm đã được cấp Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm trên trang thông tin điện tử của Cục An toàn thực phẩm hoặc trang thông tin điện tử của đơn vị.

## **Điều 6. Trách nhiệm thi hành**

1. Danh mục quy định tại Điều 2, Điều 3 Thông tư này là cơ sở để Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan liên quan thực hiện quản lý giá theo quy định của pháp luật về giá.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

3. Cục An toàn thực phẩm - Bộ Y tế có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan hướng dẫn triển khai và tổ chức việc thực hiện Thông tư này.

## **Điều 7. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ..... tháng ..... năm .....

2. Thông tư này thay thế 02 Thông tư sau của Bộ Y tế:

a) Thông tư số 30/2013/TT-BYT ngày 04/10/2013 ban hành Danh mục sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi thuộc hàng hoá thực hiện bình ổn giá

b) Thông tư số 22/2018/TT-BYT ngày 12/9/2018 quy định Danh mục thực phẩm chức năng dành cho trẻ em dưới 06 tuổi thuộc diện kê khai giá.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Y tế (Cục An toàn thực phẩm) để xem xét, giải quyết./.

### ***Nơi nhận:***

- Ủy ban xã hội của Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ (Công báo, Công thông tin điện tử CP);
- Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Các Thứ trưởng Bộ Y tế;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Đơn vị trực thuộc, thuộc Bộ Y tế;
- Công thông tin điện tử Bộ Y tế;
- Lưu: VT, ATTP (05 bản).

**BỘ TRƯỞNG**

**Đào Hồng Lan**

## Phụ lục I

(Kèm theo Thông tư số .../2024/TT-BYT ngày      tháng      năm 2024 của Bộ Y tế)

<i>STT</i>	<i>Tên sản phẩm</i>	<i>Phân loại sản phẩm</i>	<i>Tên thương nhân công bố và chịu trách nhiệm về hàng hoá, dịch vụ</i>	<i>Tên nhà sản xuất</i>	<i>Số công bố</i>
<i>1</i>	.....	.....	.....	.....	.....
<i>2</i>	.....	.....	.....	.....	.....
<i>3</i>	.....	.....	.....	.....	.....

### **Phân loại sản phẩm bao gồm:**

- Thực phẩm bảo vệ sức khỏe (dành cho trẻ em dưới 06 tuổi)
- Các sản phẩm khác không được quy định tại danh mục của Bộ Công Thương và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (dành cho trẻ em dưới 06 tuổi)

\* Trong trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất nhiều loại sản phẩm thuộc thẩm quyền tiếp nhận kê khai giá của cả Bộ Y tế và cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định thì tổ chức, cá nhân có quyền lựa chọn nộp hồ sơ đến Cục An toàn thực phẩm – Bộ Y tế để được tiếp nhận kê khai giá.

## Phụ lục II

(Kèm theo Thông tư số .../2024/TT-BYT ngày      tháng      năm 2024 của Bộ Y tế)

STT	Tên sản phẩm	Phân loại sản phẩm	Tên thương nhân công bố và chịu trách nhiệm về hàng hoá, dịch vụ	Tên nhà sản xuất	Số công bố
1	.....	.....	.....	.....	.....
2	.....	.....	.....	.....	.....
3	.....	.....	.....	.....	.....

### Phân loại sản phẩm bao gồm:

- Sản phẩm dinh dưỡng công thức cho trẻ đến 36 tháng tuổi theo các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Y tế ban hành
- Sữa và các sản phẩm dinh dưỡng có chứa sữa động vật dưới dạng bột hoặc dạng lỏng có công bố sử dụng cho trẻ em dưới 06 tuổi nhưng không theo các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia quy định
- Thực phẩm dinh dưỡng y học (*dành cho trẻ em dưới 06 tuổi*)
- Thực phẩm bổ sung, bao gồm sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi (*dành cho trẻ em dưới 06 tuổi*)
- Thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt (*dành cho trẻ em dưới 06 tuổi*)